

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 9 năm 2007.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Power Construction Joint Stock Company No I

Tên viết tắt: PCCI

Trụ sở chính : Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Văn Tứ	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Võ Hồng Quang	Ủy viên
Bà Mai Thị Hiền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm:

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Đã ký

Trịnh Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Số: /2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (“Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		741.252.869.856	480.924.381.332
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	106.604.646.619	16.339.625.172
1. Tiền	111		23.461.213.604	16.339.625.172
2. Các khoản tương đương tiền	112		83.143.433.015	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		373.382.341.827	270.328.323.748
1. Phải thu khách hàng	131		259.671.628.432	214.486.502.201
2. Trả trước cho người bán	132		87.903.981.463	29.500.808.678
3. Các khoản phải thu khác	135		26.082.083.204	26.616.364.141
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(275.351.272)	(275.351.272)
IV. Hàng tồn kho	140		255.294.713.812	189.503.494.660
1. Hàng tồn kho	141	5.2	255.294.713.812	189.503.494.660
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.971.167.598	4.752.937.752
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		50.266.004	82.420.055
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	5.920.901.594	4.670.517.697
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		52.978.334.478	48.331.725.658
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.310.147.338	30.789.735.128
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	27.310.147.338	29.948.888.169
<i>Nguyên giá</i>	222		69.730.004.595	71.776.993.774
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(42.419.857.257)	(41.828.105.605)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	840.846.959
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		24.879.565.696	17.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.5	22.279.565.696	17.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	5.6	2.600.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		788.621.444	541.990.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	716.671.103	452.184.660
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		71.950.341	89.805.870
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		794.231.204.334	529.256.106.990

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		643.110.690.910	442.895.440.969
(300 = 310+330)				
I. Nợ ngắn hạn	310		641.064.764.705	442.193.368.077
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	154.655.021.233	94.951.979.815
2. Phải trả người bán	312		88.698.091.343	64.801.139.811
3. Người mua trả tiền trước	313		301.009.640.141	154.022.180.889
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	25.366.877.877	50.283.882.836
5. Phải trả người lao động	315		15.403.189.245	9.169.583.724
6. Chi phí phải trả	316	5.10	31.293.933.984	19.749.831.876
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	22.509.638.449	48.461.151.221
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.128.372.433	753.617.905
II. Nợ dài hạn	330		2.045.926.205	702.072.892
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	1.157.500.000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		888.426.205	702.072.892
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.120.513.424	86.360.666.021
(400 = 410+430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410		151.120.513.424	86.360.666.021
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	100.000.000.000	66.670.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.13	13.832.187.500	3.334.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(526.782.391)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.13	5.498.718.054	2.370.924.600
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.13	2.738.302.386	1.174.405.659
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.13	29.578.087.875	12.811.335.762
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		794.231.204.334	529.256.106.990

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	TM	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			989.683.476
2. Ngoại tệ các loại (USD)		1.014.775,32	1.707,55

Đã ký

Đã ký

Trịnh Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Đoàn Thị Liên

Trưởng phòng TC - KT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		614.330.557.854	283.583.344.757
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	614.330.557.854	283.583.344.757
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	553.622.510.601	239.904.764.237
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		60.708.047.253	43.678.580.520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	5.937.923.531	254.034.734
7. Chi phí tài chính	22	5.16	11.039.274.422	13.601.025.466
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.039.274.422</i>	<i>13.601.025.466</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	859.772.727
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	18.366.668.031	11.902.530.519
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		37.240.028.331	17.569.286.542
11. Thu nhập khác	31	5.18	2.220.095.635	3.572.745.052
12. Chi phí khác	32	5.18	2.234.519.942	1.608.044.585
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(14.424.307)	1.964.700.467
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		37.225.604.024	19.533.987.009
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.19	6.019.619.824	4.211.757.387
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(71.950.341)	(89.805.870)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		31.277.934.541	15.412.035.492
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	4.197	2.806

Đã ký

Đã ký

Trịnh Văn Tuấn**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Đoàn Thị Liên**Trưởng phòng TC - KT**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2009	Năm 2008
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.225.604.024	19.533.987.009
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.736.358.812	7.952.559.879
- Các khoản dự phòng	03	186.353.313	313.537.773
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.843.237.819)	(2.078.857.494)
- Chi phí lãi vay	06	11.039.274.422	13.601.025.466
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	52.344.352.752	39.322.252.633
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(104.214.596.106)	49.779.295.898
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(68.404.872.081)	(36.601.995.977)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	136.060.596.915	(17.770.563.128)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(232.332.392)	(36.239.909)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.034.302.964)	(14.233.777.427)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.121.951.515)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(204.929.719)	(26.594.672)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	191.964.890	20.432.377.418
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.862.506.858)	(968.871.944)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	1.813.790.335	1.518.862.655
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.477.478.557)	(94.955.899)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.846.749.110	252.555.828
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.679.445.970)	707.590.640
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	43.828.187.500	20.004.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	336.216.049.147	249.837.717.919
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(275.355.507.729)	(293.617.369.964)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.409.444.000)	(5.380.319.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	96.279.284.918	(29.155.971.095)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	90.791.803.838	(8.016.003.037)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.339.625.172	24.355.628.209
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(526.782.391)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	106.604.646.619	16.339.625.172

Đã ký

Đã ký

Trịnh Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Đoàn Thị Liên

Trưởng phòng TC - KT

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 9 năm 2007.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Power Construction Joint Stock Company No I

Tên viết tắt: PCC I

Trụ sở chính: Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Văn phòng Công ty	Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội
2. Chi nhánh I.4	Số 471 Đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
3. Chi nhánh I.6	Văn La, phường Văn Khê, quận Hà Đông, Hà Nội
4. Trung tâm Tư vấn	Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Các Công ty con:

- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Ba La
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Đại Mỗ
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I Miền Nam
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Mỹ Đình
- Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh - Hyundai

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, kinh doanh điện;
- Sản xuất kinh doanh thiết bị, kết cấu thép, kim khí, vật liệu xây dựng, vật liệu và các phụ kiện công trình điện, chế tạo thiết bị xây dựng, thiết bị phi tiêu chuẩn; lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, đường dây cáp quang;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch và các dịch vụ khác;
- Tư vấn đầu tư, khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng;
- Đào tạo nghề xây lắp điện;
- Khai thác và chế biến đá các loại;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các văn bản sửa đổi chế độ kế toán của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành đến thời điểm hiện tại.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 3 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	04

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn gồm chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa, cải tạo nhà làm việc. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian sử dụng ước tính.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên Báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn được hạch toán vào kết quả kinh doanh. Trong trường hợp, hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản nợ dài hạn vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh bị lỗ thì có thể phân bổ một phần lỗ chênh lệch tỷ giá cho năm sau để không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm tiếp theo.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Theo quy định tại thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 “Hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho 2 năm tài chính 2006, 2007 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tài chính tiếp theo.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃUB 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	2.036.278.173	6.426.430.277
Tiền gửi Ngân hàng	21.424.935.431	9.913.194.895
Các khoản tương đương tiền	83.143.433.015	-
Tổng	106.604.646.619	16.339.625.172

5.2 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.193.871.295	11.096.205.381
Công cụ, dụng cụ	25.509.851	44.363.411
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	250.075.332.666	178.362.925.868
Tổng	255.294.713.812	189.503.494.660

5.3 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	5.497.327.596	4.100.642.303
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	423.573.998	569.875.394
Tổng	5.920.901.594	4.670.517.697

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH***Đơn vị tính: VND*

Năm 2009	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<i>Nguyên giá</i>						
Tại ngày 01/01	18.909.399.834	35.356.913.379	14.637.433.248	2.857.477.313	15.770.000	71.776.993.774
Tăng trong năm	1.047.882.306	1.996.157.894	6.451.873.864	207.439.753	-	9.703.353.817
<i>Xây dựng mới</i>	<i>201.561.511</i>	<i>1.203.988.038</i>	-	-	-	<i>1.405.549.549</i>
<i>Mua trong năm</i>	<i>846.320.795</i>	<i>792.169.856</i>	<i>6.451.873.864</i>	<i>207.439.753</i>	-	<i>8.297.804.268</i>
Giảm trong năm	2.134.687.846	5.244.846.363	3.870.560.343	500.248.444	-	11.750.342.996
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>1.317.361.955</i>	<i>2.824.496.892</i>	<i>1.977.407.672</i>	<i>247.190.327</i>	-	<i>6.366.456.846</i>
<i>Góp vốn công ty con</i>	<i>817.325.891</i>	<i>2.420.349.471</i>	<i>1.893.152.671</i>	<i>253.058.117</i>	-	<i>5.383.886.150</i>
Tại ngày 31/12	17.822.594.294	32.108.224.910	17.218.746.769	2.564.668.622	15.770.000	69.730.004.595
<i>Hao mòn lũy kế</i>						
Tại ngày 01/01	10.703.652.457	16.058.131.950	12.323.444.917	2.727.106.281	15.770.000	41.828.105.605
Tăng trong năm	1.732.480.811	4.637.377.813	3.239.462.948	127.037.240	-	9.736.358.812
<i>Trích khấu hao</i>	<i>1.732.480.811</i>	<i>4.355.235.940</i>	<i>1.183.470.958</i>	<i>127.037.240</i>	-	<i>7.398.224.949</i>
<i>Mua trong năm</i>	-	<i>282.141.873</i>	<i>2.055.991.990</i>	-	-	<i>2.338.133.863</i>
Giảm trong năm	1.560.157.652	3.367.759.323	3.739.442.501	477.247.684	-	9.144.607.160
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>1.103.972.608</i>	<i>1.166.957.404</i>	<i>1.966.794.081</i>	<i>247.190.327</i>	-	<i>4.484.914.420</i>
<i>Góp vốn công ty con</i>	<i>456.185.044</i>	<i>2.200.801.919</i>	<i>1.772.648.420</i>	<i>230.057.357</i>	-	<i>4.659.692.740</i>
Tại ngày 31/12	10.875.975.616	17.327.750.440	11.823.465.364	2.376.895.837	15.770.000	42.419.857.257
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01	8.205.747.377	19.298.781.429	2.313.988.331	130.371.032	-	29.948.888.169
Tại ngày 31/12	6.946.618.678	14.780.474.470	5.395.281.405	187.772.785	-	27.310.147.338

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.5 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	279.565.696	-
Tổng	22.279.565.696	17.000.000.000

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	5.000.000.000	100%	100%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	5.000.000.000	100%	100%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	7.000.000.000	100%	100%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	5.000.000.000	100%	100%	Xây lắp điện
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	2.857.000 USD	55%	55%	Sản xuất các loại cột thép mã kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan và cung cấp dịch vụ về mạ; mua bán thép, kẽm và vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện.

5.6 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon		
<i>Cổ phần cam kết mua</i>	400.000	-
<i>Số tiền đã góp</i>	2.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon		
<i>Cổ phần cam kết mua</i>	300.000	-
<i>Số tiền đã góp</i>	600.000.000	-

Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, vốn điều lệ 40.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
CCDC chờ phân bổ	716.671.103	157.658.112
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	-	179.453.881
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	-	115.072.667
Tổng	716.671.103	452.184.660

5.8 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	52.394.938.065	85.123.102.090
Ngân hàng Công thương Hà Tây	15.703.261.123	9.374.127.725
Công ty Tài chính CP Điện lực	85.896.822.045	-
Vay cá nhân	660.000.000	454.750.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng	154.655.021.233	94.951.979.815

5.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	18.311.843.759	18.527.634.848
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.884.393.345	5.127.184.211
Thuế thu nhập cá nhân	106.555.431	41.300.968
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	64.085.342	67.722.342
Tiền sử dụng đất dự án	-	26.519.200.000
Các loại thuế khác	-	840.467
Tổng	25.366.877.877	50.283.882.836

5.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí các công trình xây dựng	31.278.268.051	19.749.831.876
Chi phí lãi vay	15.665.933	-
Tổng	31.293.933.984	19.749.831.876

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.11 PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	583.513.643	808.064.213
Bảo hiểm xã hội	94.889.975	128.405.363
Bảo hiểm y tế	20.790.395	33.608.801
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng HN	-	20.041.500.000
Cổ tức phải trả	2.292.632.050	2.076.180.050
Phải trả khác	19.517.812.386	25.373.392.794
Tổng	22.509.638.449	48.461.151.221

5.12 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	930.000.000	
Công ty Tài chính CP Điện lực	227.500.000	
Nợ dài hạn		
Tổng vay và nợ dài hạn	1.157.500.000	-
Trừ:		
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Số dư vay và nợ dài hạn	1.157.500.000	-

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn đã ghi nhận	
	CP	Số tiền	Tỷ lệ	31/12/2009	01/01/2009
		VND	%	VND	VND
Vốn Nhà nước	500.000	5.000.000.000	10%	15.000.000.000	6.667.000.000
Các cổ đông khác	4.500.000	45.000.000.000	90%	85.000.000.000	60.003.000.000
Tổng	5.000.000	50.000.000.000		100.000.000.000	66.670.000.000

(*) Công ty đã phát hành cổ phiếu ra công chúng theo giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 418/UBCK - GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/08/2009 nhưng chưa thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/CP)

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	7.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	6.667.000
- Cổ phiếu thường	10.000.000	6.667.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Biến động các quỹ

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Tại ngày 01/01/08	50.000.000.000	-	829.721.051	403.803.884	7.938.206.469
Tăng trong năm	16.670.000.000	3.334.000.000	1.541.203.549	770.601.775	15.412.035.492
<i>Vốn góp</i>	<i>16.670.000.000</i>	<i>3.334.000.000</i>	-	-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-	<i>15.412.035.492</i>
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	<i>1.541.203.549</i>	<i>770.601.775</i>	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	10.538.906.199
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	-	-	<i>3.082.407.099</i>
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	<i>7.456.499.100</i>
<i>Chi quỹ</i>	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/08	66.670.000.000	3.334.000.000	2.370.924.600	1.174.405.659	12.811.335.762
Tại ngày 01/01/09	66.670.000.000	3.334.000.000	2.370.924.600	1.174.405.659	12.811.335.762
Tăng trong năm	33.330.000.000	10.498.187.500	3.127.793.454	1.563.896.727	31.277.934.541
<i>Vốn góp</i>	<i>33.330.000.000</i>	<i>10.498.187.500</i>	-	-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-	<i>31.277.934.541</i>
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	<i>3.127.793.454</i>	<i>1.563.896.727</i>	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	14.511.182.428
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	-	-	<i>6.255.586.908</i>
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	<i>8.239.808.000</i>
<i>Chi quỹ</i>	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	<i>15.787.520</i>
Tại ngày 31/12/09	100.000.000.000	13.832.187.500	5.498.718.054	2.738.302.386	29.578.087.875

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.14 DOANH THU**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	396.474.982.866	251.911.144.468
Doanh thu kinh doanh nhà dự án	40.618.950.380	18.950.058.695
Doanh thu gia công sản phẩm	151.996.342.346	-
Doanh thu khác	25.240.282.262	12.722.141.594
Tổng	614.330.557.854	283.583.344.757
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	614.330.557.854	283.583.344.757

5.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	372.852.659.397	218.856.245.840
Giá vốn kinh doanh nhà dự án	29.338.142.237	10.347.466.675
Giá vốn gia công sản phẩm	126.098.830.986	-
Giá vốn khác	25.332.877.981	10.701.051.722
Tổng	553.622.510.601	239.904.764.237

5.16 DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	5.846.749.110	252.555.828
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.478.906
Cổ tức lợi nhuận được chia	91.174.421	-
Tổng	5.937.923.531	254.034.734
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	11.039.274.422	13.601.025.466
Tổng	11.039.274.422	13.601.025.466
Thu nhập tài chính - thuần	(5.101.350.891)	(13.346.990.732)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.17 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.229.151.443	5.339.403.863
Chi phí đồ dùng văn phòng	116.912.862	97.001.873
Chi phí khấu hao TSCĐ	516.063.551	978.400.532
Thuế, phí, lệ phí	454.954.059	499.787.175
Chi phí dự phòng	-	275.351.272
Chi phí bằng tiền khác	6.049.586.116	4.712.585.804
Tổng	18.366.668.031	11.902.530.519

5.18 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý vật tư, tài sản cố định	1.813.790.335	1.518.862.655
Đánh giá lại tài sản, CCDC góp vốn	400.813.191	1.062.771.880
Các khoản khác	5.492.109	991.110.517
Tổng	2.220.095.635	3.572.745.052
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của vật tư, tài sản thanh lý	2.218.114.817	1.298.191.315
Các chi phí khác	16.405.125	309.853.270
Tổng	2.234.519.942	1.608.044.585
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	(14.424.307)	1.964.700.467

5.19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.225.604.024	19.533.987.009
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>735.051.992</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(91.174.421)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	37.869.481.595	19.533.987.009
Trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế không được ưu đãi</i>	<i>10.287.476.997</i>	<i>7.034.874.444</i>
Thuế suất áp dụng	25%	28%
Tỷ lệ ưu đãi	50%	50%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	6.019.619.824	4.211.757.387

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.20 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Vĩ	31.277.934.541	15.412.035.492
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	31.277.934.541	15.412.035.492
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.452.310	5.493.249
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	<u>4.197</u>	<u>2.806</u>

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<u>Năm 2009</u>	
	<u>VND</u>	
Các giao dịch bán		
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ		95.238.095
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình		455.741.186
Các giao dịch mua		
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ		6.666.871.078
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La		4.241.341.776
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam		60.551.242.434
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình		16.664.288.392
<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	2.640.428.448	2.887.878.620
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	380.665.871	4.106.355.843
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	363.557.265	6.529.729.922
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	8.731.034.356	-
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ		270.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam		5.038.510.952
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	34.676.422.533	-
<u>Thu nhập của các thành viên chủ chốt</u>		<u>Năm 2009</u>
		<u>VND</u>
Tiền lương		1.742.799.286
Phụ cấp		100.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****6.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Trong năm tài chính này, Công ty tiếp tục thực hiện các Hợp đồng thuê đất sau:

Nội dung	Diện tích đất năm (m²)	Số phải nộp theo Thông báo	
		Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thuê đất tại 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. HĐ thuê đất số 19-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 23/05/1998 ký với Sở Địa chính Hà Nội	590,56	32.111.700	32.111.700
Thuê đất tại xã Hoàng Văn Thụ, huyện Thanh Trì để xây dựng trụ sở và nhà ở. HĐ thuê đất số 366-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 15/10/1999 ký với Sở Địa chính- Nhà đất Hà Nội	961	37.623.150	37.623.150
Thuê đất tại các xã Mỹ Đình, xã Xuân Phương, xã Đại Mỗ, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.	16.743,76	255.755.615	283.457.509
Thuê đất tại xã Yên Thường, huyện Gia Lâm để sử dụng vào mục đích sản xuất. HĐ thuê đất số 128-24599/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 16/07/1999 ký với Sở Địa chính- Nhà đất Hà Nội	9.858,82	123.235.000	123.235.250
Thuê đất tại xã Tân Thành, thị xã Ninh Bình để sử dụng vào mục đích kinh doanh xây lắp đường dây tải điện. HĐ thuê đất số 79/HĐ-TĐ ngày 25/11/1997 ký với Sở Địa chính tỉnh Ninh Bình	2.886,9	3.637.000	3.637.494
Thuê đất tại Phú Lương, Hà Đông, tỉnh Hà Tây	8.660	-	24.180.894
Thuê đất tại Văn La, Hà Đông, tỉnh Hà Tây	1.193,5	12.174.000	12.173.700
Thuê đất tại Phú Lãm, Hà Đông, tỉnh Hà Tây	840,1	4.285.000	4.284.510
Thuê đất tại huyện Yên Mỗ, Ninh Bình	50.520	6.649.000	8.841.000
Tổng		475.470.465	529.545.207

7. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong báo cáo này.

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán.

Đã ký**Đã ký****Trịnh Văn Tuấn****Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Đoàn Thị Liên**Trưởng phòng TC - KT**